BẢNG QUYỀN LỢI VÀ PHÍ BẢO HIỂM SỨC KHỎE TAI NẠN CON NGƯỜI MỨC CAO

(CTTV chủ động triển khai)

A. BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH) (VND)
I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH	
1. Tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn do tai nạn (*)	**Đến 500.000.000 (với khách hàng cá nhân);** **Đến 2.000.000.000 (với khách hàng tổ chức)**
1.1. Tử vong	Trả 100% STBH
1.2. Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	Trả 100% STBH
1.3. Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Trả theo tỷ lệ thương tật tương ứng được quy định trong Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn nhân với STBH
2. Chi phí y tế	**Đến 200.000.000 (với khách hàng cá nhân);** **Đến 1.000.000.000 (với khách hàng tổ chức)** Trả chi phí y tế thực tế, bao gồm cả chi phí vận chuyển cấp cứu (loại trừ đường hàng không và dịch vụ công ty cứu trợ)
3. Hỗ trợ tai nạn nghiêm trọng	**Đến 20.000.000** Trả số tiền/lần áp dụng như sau: - Số ngày nằm viện liên tục từ 7 ngày trở lên và không có phẫu thuật: trả 30% STBH - Số ngày nằm viện liên tục từ 7 ngày đến 14 ngày và có phẫu thuật: trả 50% STBH - Số ngày nằm viện liên tục từ 15 ngày trở lên và có phẫu thuật: trả 100% STBH
4. Hỗ trợ viện phí	**Đến 73.000.000** Trả số tiền cố định/ngày nằm viện trong thời gian điều trị nội trú do tai nạn theo chỉ định của bác sỹ điều trị. Số ngày nằm viện/năm tối đa: 365 ngày Số tiền nằm viện/ngày tối đa: 200.000
II. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG	
1. Hỗ trợ giáo dục	**Đến 20.000.000** Trả 100% STBH/lần, tối đa 1 lần/năm
2. Trợ cấp ngày nghỉ (**)	**Đến 500.000.000** Trả số tiền trợ cấp/ngày trong thời gian nghỉ điều trị nội trú và/hoặc ngoại trú do tai nạn theo chỉ định của bác sỹ điều trị. Số ngày trợ cấp/năm tối đa: 365 ngày
3. Dịch vụ cứu trợ trong lãnh thổ Việt Nam	**Không phân cấp**
4. Dịch vụ cứu trợ phạm vi Toàn thế giới	**Không phân cấp**

Lưu ý:
- (*) Quyền lợi tử vong/thương tật vĩnh viễn là bắt buộc;
- (**) Quyền lợi trợ cấp ngày nghỉ chỉ áp dụng với khách hàng tổ chức;
- Trường hợp CTTV có đề xuất triển khai khác, CTTV báo cáo TCT và chỉ được triển khai khi đã được sự đồng ý của TCT.

B. PHÍ BẢO HIỂM

I. BIỂU PHÍ NĂM

1. Tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn do tai nạn

Loại nghề nghiệp (*)	Tỷ lệ phí bảo hiểm
Loại 1	0,090%
Loại 2	0,220%

2. Chi phí y tế

Loại nghề nghiệp (*)	Tỷ lệ phí bảo hiểm				
	Từ 1 đến 50 triệu đồng	Từ trên 50 đến 100 triệu đồng	Từ trên 100 đến 200 triệu đồng	Từ trên 200 đến 500 triệu đồng	Trên 500 triệu
Loại 1	0,700%	0,550%	0,500%	0,450%	0,400%
Loại 2	1,750%	1,375%	1,250%	1,125%	1,000%

3. Hỗ trợ tai nạn nghiêm trọng

Loại nghề nghiệp (*)	Tỷ lệ phí bảo hiểm	
	Từ 500 nghìn đến 10 triệu đồng	Từ trên 10 triệu
Loại 1	0,060%	0,050%
Loại 2	0,150%	0,125%

4. Hỗ trợ viện phí

Loại nghề nghiệp (*)	Tỷ lệ phí bảo hiểm					
	Tối đa 10 ngày	Tối đa 30 ngày	Tối đa 60 ngày	Tối đa 90 ngày	Tối đa 180 ngày	Tối đa 365 ngày
Loại 1	7,0000%	2,4500%	1,2863%	0,8103%	0,4963%	0,2570%
Loại 2	17,5000%	6,1250%	3,2156%	2,0258%	1,2408%	0,6425%

5. Hỗ trợ giáo dục

Loại nghề nghiệp (*)	Tỷ lệ phí bảo hiểm
Loại 1	0,10%
Loại 2	0,25%

6. Trợ cấp ngày nghỉ

Loại nghề nghiệp (*)	Tỷ lệ phí bảo hiểm		
	Tối đa 90 ngày	**Tối đa 180 ngày**	**Tối đa 365 ngày**
Loại 1	0,400%	0,350%	0,350%
Loại 2	1,000%	0,875%	0,875%

❖ ***Phân loại nghề nghiệp:***

- **Loại 1:** Người không làm những nghề được quy định ở loại 2, hoặc người thân của nhân viên trong hợp đồng bảo hiểm nhóm.
- **Loại 2:** Người làm những nghề nguy hiểm, dễ xảy ra tai nạn. Ví dụ: công nhân làm việc trên công trường, thủy thủ thuyền viên, vận động viên tham gia thể thao chuyên nghiệp, …

II. BIỂU PHÍ NGẮN HẠN

- Thời hạn bảo hiểm đến 1 tháng = tối đa 15% phí bảo hiểm năm;
- Thời hạn bảo hiểm từ trên 1 đến 2 tháng = 25% phí bảo hiểm năm;
- Thời hạn bảo hiểm từ trên 2 đến 3 tháng = 35% phí bảo hiểm năm;
- Thời hạn bảo hiểm từ trên 3 đến 4 tháng = 45% phí bảo hiểm năm;
- Thời hạn bảo hiểm từ trên 4 đến 6 tháng = 60% phí bảo hiểm năm;
- Thời hạn bảo hiểm từ trên 6 đến 8 tháng = 75% phí bảo hiểm năm;
- Thời hạn bảo hiểm từ trên 8 đến 10 tháng = 90% phí bảo hiểm năm;
- Thời hạn bảo hiểm từ trên 10 tháng trở lên = phí bảo hiểm năm.